TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2023.
V/v tranh chấp: "*Ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Bùi Trung Tiến.
2. Bà: Nguyễn Thị Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Trần Việt Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 107/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T.
- *Bị đơn:* Trần Thị Bích N, sinh năm 1990.
Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T.

(Anh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai; anh P trình bày:***

Về hôn nhân: Năm 2013, anh P sống chung với chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh T. Do bất đồng quan điểm sống, anh P đã ly thân chị N từ tháng 12/2022 cho đến nay. Tình cảm không còn, anh P yêu cầu ly hôn chị N.

Về con chung: Anh P với chị N có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/01/2014 và Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 03/5/2018, đang sống chung với anh P. Anh P yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Th.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh P không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn chị Trần Thị Bích N vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.***

*** Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh P.

+ Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh P ly hôn chị Trần Thị Bích N.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/01/2014 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/5/2018 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Anh Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; chị N đã được tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của đương sự, xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2013, anh P sống chung với chị N, có đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm sống; anh P đã ly thân chị N từ tháng 12/2022. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị N vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ chị N không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh P. Anh P yêu cầu ly hôn chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; nên chấp nhận.

- Về con chung: Anh P với chị Ngọc có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/01/2014 và Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 03/5/2018, đang sống chung với anh P; đồng thời, cháu T có nguyện vọng sống chung với anh P sau khi anh P ly hôn chị N. Do đó, anh P yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Th là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; nên chấp nhận. Chị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh P.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh P ly hôn chị Trần Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/01/2014 và Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 03/5/2018 cho anh Nguyễn Thanh P tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Bích N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0011686 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên anh P đã nộp xong án phí.

+ Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh P và chị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *UBND xã Long Bình; huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

Lê Trung Hiếu